

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 102/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Bích Thủy
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2017/ TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXX- ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1984; trú tại: 01/111 Ngô Thế L, phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh ThừaThiên Huế, (có mặt).

Bị đơn: Anh Đường Minh L, sinh năm 1981; trú tại: 33 Lương Ngọc Q, phường Tây L, thành phố Huế, tỉnh ThừaThiên Huế, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2017 của chị Trần Thị Mỹ H và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Đường Minh L kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 03 tháng, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Tây L, thành phố Huế ngày 27/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh L. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc 01 năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh Long đi làm không đưa tiền về nuôi vợ

con. Từ đó vợ chồng thường xảy ra bất đồng về quan điểm và trầm trọng hơn từ tháng 5/2015 nên chị H đưa con về nhà cha mẹ chị ở từ đó cho đến nay. Từ khi chị H đưa con về nhà cha mẹ ở anh L không đến thăm chị và con một lần. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị Hằng không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về nuôi con chung: Chị H xác nhận vợ chồng chị chung sống có 01 con chung Đường Minh Tiến Đ, sinh ngày 09/12/2014. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con vì chị có việc làm ổn định tại Đoàn An Điều dưỡng 41 Huế, Quân khu 4 mức lương 5.281.000đồng/ tháng và nơi ở ổn định là nhà cha mẹ chị. Chị H không yêu cầu anh L đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác nhận chị và anh L chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai. Tuy nhiên trong bản tự khai ngày 05/4/2017 và các biên bản hòa giải tại Tòa án anh L trình bày: Quá trình kết hôn như chị H trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do cách sống quá khác nhau và mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 5/2015 nên chị H đưa con về nhà cha mẹ chị ở đến nay, gia đình có khuyên can nhưng chị Hằng không trở về nhà anh L để tiếp tục chung sống, nên anh L cũng không qua nhà chị H thăm chị Hằng và con. Vợ chồng không gặp mặt và cũng không liên lạc gì với nhau, nhưng anh L vẫn còn yêu thương chị H nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh L xác nhận vợ chồng chung sống 01 con chung như chị Hằng khai, nhưng bản thân anh vẫn mong muốn được nuôi con, và không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con vì hiện nay anh làm lao động tự do thu nhập một tháng khoảng 5.000.000đồng. Nhưng nếu giao con cho chị Hằng nuôi anh L không đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác nhận vợ chồng anh chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai cho anh L đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Long vẫn cố tình vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến thành niên đủ 18 tuổi. Anh L không đóng góp tiền nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đường Minh L lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Long vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Long theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Đường Minh L kết hôn tự nguyện và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Tây L, thành phố Huế vào ngày 27/12/2013 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị Hằng anh Long không hợp nhau, vợ chồng không quan tâm nhau nên chị H đưa con về nhà cha mẹ chị ở từ tháng 5/2015 đến nay. Từ ngày chị H đi anh L không đến thăm chị và con một lần mặc dù nhà chị Hằng và nhà anh Long đều ở cùng phường Tây Lộc. Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được.

Về phía gia đình và chính quyền địa phương nơi anh L và chị H sinh sống cũng xác nhận vợ chồng anh L, chị H xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau. Chị H đã đưa con về nhà cha mẹ chị ở hai năm nhưng cả hai đều không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Đã hai năm nay anh L cũng không đến thăm con và chị H nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Mặc dù anh Long không đồng ý ly hôn, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh L chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh Long là có đủ cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị H, anh L đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con chung là cháu Đường Minh Tiến Đ, sinh ngày 09/12/2014 đến thành niên, không ai yêu cầu đóng góp tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị H có việc làm, thu nhập ổn định 5.281.000đồng/ tháng, có chỗ ở ổn định và gia đình chị cũng tạo điều kiện giúp đỡ chị đảm bảo nuôi con và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là con dưới 36 tháng giao cho mẹ nuôi.

Theo xác minh từ phía gia đình anh L cho biết hiện nay anh L không có việc làm ổn định, mặc dù anh L khai anh đi làm lao động tự do có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng, nhưng anh không có chứng cứ chứng minh nên xét yêu cầu anh L xin nuôi con là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó Hội đồng xét xử xét yêu cầu xin được nuôi con chung của chị H là có cơ sở chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị H cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Đường Minh L.

Về nuôi con chung: Giao con chung Đường Minh Tiến Đ sinh ngày 09/12/2014 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến thành niên đủ 18 tuổi. Anh Đường Minh L không phải đóng góp tiền nuôi con với chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L chị H chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2013/002397 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị H đã nộp đủ.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- UNBD P Tây Lộc, Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tuyết Linh